

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 110/2018/DS-ST

Ngày: 23/8/2018

(V/v tranh chấp hợp đồng góp hui)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (bà) Nguyễn Văn Bé;

2. Ông (bà) Dương Trần Trọng Quang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 153/2018/TLST – DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* L Ng Th, sinh năm 1967 và Ng Th Th (tên gọi khác: Ng Th Th M), sãm 1972. Cùng địa chỉ: ấp A, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (anh Th ủy quyền cho chị Th theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2018 - có mặt).

- *Bị đơn:* Tr Th L, sinh năm 1972 và Đ Th K Th, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: ấp B, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 03/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ng Th Th, L Ng Th (ủy quyền cho chị Th) trình bày:**

Chị và anh Th có làm chủ thảo nhiều dây hui trong đó có vợ chồng anh L, chị Th tham gia các dây hui như sau:

* Dây hui 01: Giá hui 5.000.000 đồng, khai ngày 15/7/2014 âm lịch, hui có 17 phần, anh L, chị Th tham gia 01 phần, một tháng khai hui 01 lần, tháng 11/2015 âm lịch thì mãn hui. Anh L, chị Th hót hui vào lần khai hui đầu tiên, đã nhận đủ tiền giao hui. Sau khi hót hui anh L, chị Th thỏa thuận góp lại cho anh, chị mỗi ngày 170.000 đồng cho đến khi đủ 16 lần góp hui chết (chị Th viết, anh L ký biên nhận ngày 09/12/2014).

* Dây hui 02: Giá hui 3.000.000 đồng, khai ngày 25/9/2014 âm lịch, hui có 18 phần, anh L, chị Th tham gia 01 phần, một tháng khai hui 01 lần, tháng 02/2016 âm lịch thì mãn hui. Anh L, chị Th hót hui vào lần khai hui đầu tiên, đã nhận đủ tiền giao hui. Sau khi hót hui

anh L, chị Th thỏa thuận góp lại cho anh, chị mỗi ngày 100.000 đồng cho đến khi đủ 17 lần góp hui chết (chị Th viết, anh L ký biên nhận ngày 18/10/2014).

* Dây hui 03: Giá hui 5.000.000 đồng, khai ngày 09/12/2014 âm lịch, hui có 17 phần, anh L, chị Th tham gia 01 phần, một tháng khai hui 01 lần, tháng 04/2016 âm lịch thì mãn hui. Anh L, chị Th hót hui vào lần khai hui đầu tiên, đã nhận đủ tiền giao hui. Sau khi hót hui anh L, chị Th thỏa thuận góp lại cho anh, chị mỗi ngày 170.000 đồng cho đến khi đủ 16 lần góp hui chết (chị Th viết, anh L ký biên nhận ngày 15/7/2014).

Quá trình thực hiện thỏa thuận anh L, chị Th chỉ góp được cho anh, chị một thời gian ngắn thì không góp nữa, nên đến ngày 13/12/2015 âm lịch chị Th viết và ký biên nhận còn thiếu tiền của 02 dây hui 5.000.000 đồng và 01 dây hui 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 56.000.000 đồng. Sau đó có trả dần được 7.000.000 đồng, thì ngưng cho đến nay.

Nay chị yêu cầu anh L, chị Th phải có nghĩa vụ trả cho anh, chị số tiền 49.000.000 đồng. Trả tiền một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, toàn bộ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và 04 biên nhận tiền nợ hui, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng anh L, chị Th vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Th, anh Th khởi kiện yêu cầu chị anh L, chị Th trả lại tiền góp hui còn thiếu, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng góp hui” theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu các bên đương sự: Tại phiên tòa chị Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng chỉ yêu cầu anh L, chị Th trả số tiền 49.000.000 đồng, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1] Xét việc tranh chấp hợp đồng góp hui giữa anh Th, chị Th với anh L, chị Th: Kèm theo đơn khởi kiện, tờ tự khai thì anh Th, chị Th có nộp kèm theo 04 biên nhận nợ do anh L, chị Th viết và ký tên thể hiện nội dung còn thiếu số tiền góp hui và xin trả dần số tiền hui chết còn thiếu theo ngày để chứng minh cho yêu cầu trong đơn khởi kiện. Xét anh L, chị Th

là hội viên tham gia dây hội do chị Th, anh Th làm chủ thảo và đã hốt hội, nhận tiền góp hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp lại tiền hội chết cho chủ thảo theo thỏa thuận là vi phạm Điều 479 Bộ luật dân sự và Nghị định Số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường, nên yêu cầu góp lại tiền hội chết của chị Th, anh Th là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lại tiền góp hội một lần: Tính đến ngày xét xử thì các dây hội này đều đã mãn, Tại phiên tòa chị Th, anh Th yêu cầu trả tiền góp hội một lần nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đơn khởi kiện, tờ tự khai, thông báo thụ lý vụ án nói rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công khai và tổng đạt toàn bộ chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện như: 02 biên nhận thể hiện có hốt 02 dây hội 5.000.000 đồng và xin góp lại tiền hội chết theo ngày, 01 biên nhận thể hiện có hốt dây hội 3.000.000 đồng xin góp lại tiền hội chết theo ngày, 01 biên nhận thể hiện tổng nợ tiền của 03 dây hội mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện và tổng đạt hợp lệ (chị Th nhận trực tiếp), nhưng anh L và chị Th không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Anh L, chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 5; khoản 1 Điều 244; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định Số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng Th Th và anh L Ng Th.

1. Buộc chị Đ Th K Th và anh Tr Th L có nghĩa vụ trả cho chị Ng Th Th và anh L Ng Th số tiền 49.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Ng Th Th và anh L Ng Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đ Th K Th và anh Tr Th L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Đ Th K Th và anh Tr Th L phải chịu 2.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại chị Ng Th Th và anh L Ng Th 1.650.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 15557 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các Đ/S;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc